

BẢN ÁN SỐ: 66 /2018/ HS-ST

NGÀY: 24/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thanh Bình.
2. Ông Phạm Đình Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 24/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/HS-ST ngày 07/9/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HS ngày 10/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố đẻ: Phạm Văn T, sinh năm 1963; Mẹ đẻ: Trần Thị N, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 50/2009/HSST ngày 17/8/2009 Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

- Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công tỉnh Bắc Giang - (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1994 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lã Văn S, sinh năm 1996 – (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Chu Nguyên, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1999 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Nội Con, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người làm chứng:**

1. Anh Vũ Xuân V, sinh năm 1984 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đại Phú 2, xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/6/2018, T nhận được điện thoại của Trần Mạnh T, sinh năm 1994 ở thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang hẹn T ra đoạn đường đang làm gần khu vực Vườn sinh thái xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang. Tại đây, T đưa cho T 02 (hai) túi ni lon màu trắng một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa và có viên màu xanh bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, T nói: “cầm hộ ít đồ”. T quan sát 02 túi nilon T đưa và biết đó là ma túy đá. Do nể T, T đồng ý cầm hộ và cất vào trong ví để không ai phát hiện ra. Sau đó, T nhận được điện thoại của Lê Ngọc Th, sinh năm 1975, trú tại phố Tráng, xã Phi Mô, huyện Lạng Giang rủ T đến nhà nghỉ Suối Ngọc, thuộc thôn Chùa, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang chơi, T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T một mình đi xe máy đến nhà nghỉ Suối Ngọc, khi T vừa đến nhà nghỉ thì bị lực lượng Công an kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 02 (hai) túi ni lon màu trắng một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa và có viên màu xanh, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá, tất cả được thu giữ trong ví giả da màu đen, trên ví có chữ “BURBERRY” ở trong túi quần phía sau bên phải T đang mặc và một số đồ vật, tư trang cá nhân của T.

Tại Kết luận giám định số 707/KL- PC54 ngày 06/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “ Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: Chất dạng tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nilon màu trắng, một đầu mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa màu trắng và viên màu xanh đều là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,72 gam”.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS-LG ngày 06/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố Phạm Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Lạng Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo T từ 18 đến 20 tháng tù. Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về vật chứng và án phí của vụ án.

- Bị cáo không tranh luận gì với đại diện VKS và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận: Hồi 16 giờ 15 phút ngày 05/6/2018, tại nhà để xe nhà nghỉ Suối Ngọc thuộc thôn Chùa, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, Công an huyện Lạng Giang phối hợp với Công an xã Thái Đào kiểm tra phát hiện bắt quả tang Phạm Văn T, sinh năm 1990 ở thôn Cỏ, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,72 gam ma túy Methamphetamine.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cũng như vật chứng đã thu giữ được và đúng với Kết luận giám định của Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Bắc giang. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Phạm Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình

phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 61/CT-VKS-LG ngày 06/9/2018 của VKSND huyện Lạng Giang đã truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn T có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và biện pháp xử lý:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an ở địa phương, phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và các tội phạm nguy hiểm khác như: giết người, cướp tài sản, trộm cắp... Từ nghiện ma túy làm suy thoái đạo đức giống nòi, ảnh hưởng kinh tế, sức khỏe, hạnh phúc gia đình. Tại địa bàn huyện Lạng Giang tệ nạn xã hội về ma túy vẫn đang là một điểm nóng, cán bộ và quần chúng nhân dân địa phương hết sức lo lắng và lên án. Do đó phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

- Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, quá trình điều tra và trước phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Từ những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy cần lên một hình phạt tương xứng, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần T để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành con người lương thiện.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ Nhà nước. Xong xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, xác minh tại địa phương thể hiện T hiện không có công ăn việc làm, sống chung cùng với bố mẹ đẻ và không có tài sản riêng nên HĐXX xem xét miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm có điều kiện trở về đoàn tụ cùng gia đình.

[4] Về việc xử lý vật chứng của vụ án: Sau khi bắt quả tang, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng cần xử lý gồm: 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong có chứa chất ma túy hoàn lại sau giám định, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định và 01 (một) ví giả da màu đen, trên ví có chữ “BURBERRY”, ví cũ đã qua sử dụng (bên trong ví có: số tiền 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 02 (hai) mảnh giấy bạc đều có hai mặt, màu trắng bạc, một mảnh có kích thước (08x 19,5)cm, một mảnh có kích thước (18,5 X 29)cm, cả hai mảnh giấy bạc đều

hình chữ nhật); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ máy màu vàng, cũ đã qua sử dụng, thu giữ tại túi quần phía trước bên phải T đang mặc, số IMEI: 353236074229074,353236074229072; 01 (một) điện thoại di động IPHONE, vỏ máy màu vàng, ốp lưng màu đen, cũ đã qua sử dụng, thu giữ tại bàn tay trái T đang cầm, số IMEI: 355902067966919; 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng, thu giữ tại túi quần phía trước bên trái T đang mặc; 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, S màu nâu, xe cũ đã qua sử dụng, không có yếm, không có gương chiếu hậu, không có biển kiểm soát, số khung XB 00076, số máy 0002176; 01 (một) chiếc đồng hồ bằng kim loại màu vàng nhãn hiệu “SKMEI” có dây đeo giả da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng và 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã cũ, qua sử dụng, số vật chứng này đã được niêm phong theo quy định.

Xét 01 phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký của giám định viên cùng tên của thành phần tham gia niêm phong là tang vật chứng của vụ án cần áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

02 (hai) mảnh giấy bạc đều có hai mặt, màu trắng bạc, một mảnh có kích thước (08x 19,5)cm, một mảnh có kích thước (18,5 X 29)cm, cả hai mảnh giấy bạc đều hình chữ nhật) và 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng. Tại phiên tòa T đề nghị tiêu hủy nên cần chấp nhận.

Đối với 01 (một) ví giả da màu đen, trên ví có chữ “BURBERRY”, ví cũ đã qua sử dụng (bên trong ví có: số tiền 300.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ máy màu vàng cũ, số IMEI: 353236074229074,353236074229072; 01 (một) điện thoại di động IPHONE, vỏ máy màu vàng, ốp lưng màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 355902067966919; 01 (một) chiếc đồng hồ bằng kim loại màu vàng nhãn hiệu “SKMEI” có dây đeo giả da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng và 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã cũ, qua sử dụng là tài sản của T không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa Phạm Văn T đề nghị HĐXX xin được trả lại. Do vậy cần áp dụng khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo để sử dụng, xong tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, S màu nâu, không có yếm, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng, quá trình điều tra, xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Đỗ Văn L, sinh năm 1999 trú tại xóm Nội Con, thôn 1, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang do anh Lã Văn S cho T mượn; việc T sử dụng chiếc xe như thế nào anh S và anh L không biết. Ngày 12/8/2018, Cơ quan

điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho anh Đỗ Văn L.

Ngoài ra, quá trình điều tra T khai T đã nhận điện thoại của Trần Mạnh T, sinh năm 1994 ở Thôn Tân Văn I, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang và cầm hộ 02 gói ma túy của T do T nhờ. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và cho đối chất giữa T với T nhưng T không thừa nhận việc gọi điện và nhờ T cầm hộ đồ. Ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không còn tài liệu khác để xác minh làm rõ đối với T nên không có căn cứ để xử lý.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án vắng mặt. Tuy nhiên đã có đơn xin vắng mặt và được Tòa án tiến hành tổng đạt giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Phạm Văn T 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/6/2018.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự. khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, c khoản 3 Điều 106 BLTTHS;

- **Tịch thu tiêu hủy:** + 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong chứa chất ma túy hoàn lại sau giám định, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định

+ 02 (hai) mảnh giấy bạc đều có hai mặt, màu trắng bạc, một mảnh có kích thước (08x 19,5)cm, một mảnh có kích thước (18,5 X 29)cm, cả hai mảnh giấy bạc đều hình chữ nhật) và 02 (hai) đoạn ống nhựa màu hồng dài khoảng 10 – 15cm.

- Trả lại cho Phạm Văn T 01 (một) ví giả da màu đen, trên ví có chữ “BURBERRY”, ví cũ đã qua sử dụng; số tiền 300.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ

máy màu vàng cũ, số IMEI: 353236074229074,353236074229072; 01 (một) điện thoại di động IPHONE, vỏ máy màu vàng, ốp lưng màu đen đã cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 355902067966919; 01 (Một) phong bì thư đóng dấu đỏ của Công an xã Thái Đào bên trong chứa: 01 (một) chiếc đồng hồ bằng kim loại màu vàng nhãn hiệu “SKMEI” và 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã cũ, xong tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc được niêm iết kết quả bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- CQĐT + CQTHAHS Công an huyện Lạng Giang.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng